

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15/4/2026
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Hoàng.
2. Ông Nguyễn Công Phúc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2025/TLST- HNGĐ ngày 10/11/2025, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/2/2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 12/2026/TB-TA ngày 13/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Anh P, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: K A Đ, tổ C, phường T, thành phố Đà Nẵng

Bị đơn: anh Trần Đăng D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

(Chị P có đơn xin vắng mặt, anh D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Anh P trình bày: Chị P và anh Trần Đăng D tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đi đến kết hôn năm 2023 có đăng ký tại UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung với gia đình chị P thời gian thì phát sinh nhân mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã xảy ra xô xát với nhau. Anh Dũng hay liên tưởng đến người yêu cũ, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vì vậy, vợ chồng chị sống ly thân một thời gian dài. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị P xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Đăng Phúc N, sinh ngày: 30/9/2023. Nguyên vọng của chị P là xin được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành. Chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị P khai vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

* Bị đơn anh Trần Đăng D trình bày tại phiên tòa: Anh Dũng thống nhất với chị P về thời gian, hoàn cảnh và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh D cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn với nhau. Nay anh D mong muốn vợ chồng được đoàn tụ làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Anh D1 khai vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Đăng Phúc N, sinh ngày: 30/9/2023. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dũng chỉ thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh khai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư K, Hội đồng xét xử, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên tòa. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến hòa giải. Về trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung đề nghị giao cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị xem xét mức cấp dưỡng theo hệ số lương cơ sở theo vùng. Về tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án có bị đơn anh Trần Đăng D cư trú tại xã T, thành phố Đà Nẵng. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Anh P và anh Trần Đăng D có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 09/5/2023. Xác định chị P và anh D là vợ chồng hợp pháp. Theo chị P vợ chồng chị thường mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân là do anh D hay liên tưởng đến người yêu cũ, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, không hợp nhau. Anh D1 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn với nhau và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Theo chị P và anh D1 vợ chồng chị P và anh D1 đã sống ly thân với nhau một thời gian. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh D1 không đến Tòa án để hòa giải. Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành hòa giải nhiều lần cho các bên đoàn tụ chung sống bên nhau nhưng anh D1 vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn chị P vắng mặt nên không thể hòa giải cho các bên đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy chị P không mong muốn kéo dài quan hệ hôn nhân, không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Anh P đối với bị đơn anh Trần Đăng D.

[3] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Về con chung: Theo chị P và anh D xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Trần Đăng Phúc N, sinh ngày: 30/9/2023.

Nguyện vọng của chị P xin được nuôi con chung đến đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Dũng thống nhất giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng nếu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện nay đang sinh sống với chị P và cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Để bảo vệ quyền nuôi con của người mẹ và đảm bảo cho sự phát triển của trẻ em. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng. Chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị P. Giao cháu Trần Đăng Phúc N, sinh ngày: 30/9/2023 cho chị Huỳnh Thị Anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 4.000.000 đồng. Anh Dũng chỉ thống nhất mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy mức yêu cầu của nguyên đơn là cao hơn quy định đúng pháp luật về lương cơ sở tại vùng III. Chị P không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập của anh D. Anh D1 khai nhận tại phiên tòa anh lao động tự do nên thu nhập không ổn định. Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung theo sự thống nhất của anh D1 2.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp với tình hình kinh tế của địa phương và đúng pháp luật.

Buộc anh Trần Đăng D cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Đăng Phúc N, sinh ngày: 30/9/2023 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên. Nếu anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng N1 qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Chị P và anh D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Thị Anh P phải chịu số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu số 0005205 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Trần Đăng D phải chịu.

[6] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 37; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Anh P về việc ly hôn với anh Trần Đăng D. Chị Huỳnh Thị Anh P được ly hôn với anh Trần Đăng D.

2. Về con chung và nuôi con chung: Vợ chồng chị Huỳnh Thị Anh P và anh Trần Đăng D có 01 con chung tên là: là Trần Đăng Phúc N, sinh ngày: 30/9/2023.

Giao cháu Trần Đăng Phúc N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Đăng D cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên. Nếu anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng N1 qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Chị P và anh D không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Thị Anh P phải chịu số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu số 0005205 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Trần Đăng D phải chịu.

5. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THA.DS khu vực 6;
- UBND p. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Phùng Thành